

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 120/2024/DS-ST

Ngày: 23-9-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân

2. Ông K'Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Cương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2024/TLST-DS ngày 03/5/2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** ông **Tống Văn T**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: **số A tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị đơn:** bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: **thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn – ông **Tống Văn T** thì:

Vào năm 2020, bà **H** có liên hệ đến gia đình ông thuê quán cà phê để buôn bán, trong thời gian bà **H** thuê quán của gia đình ông thì mối quan hệ giữa gia đình ông và bà **H** trở nên thân thiết. Trong khoảng thời gian này do dịch bệnh Covid 19

gặp khó khăn về kinh tế nên bà H cần vốn để xoay sở đầu tư nên bà H thường xuyên vay tiền của ông, bà H vay tiền của ông có lần vài triệu, có lần vài chục triệu nhưng thời điểm này bà H nói là mượn nóng nên ông và bà H không viết giấy tờ với nhau, hình thức ông cho bà H vay tiền có lần ông chuyển khoản (có sao kê của Ngân hàng TMCP N – V kèm theo) và có những lần ông đưa tiền mặt nhưng do thời gian đã lâu nên ông không nhớ cụ thể. Đến ngày 06/5/2022, ông tổng hợp lại toàn bộ số tiền mà bà H đã vay của ông, sau đó ông cùng bà H đã viết Giấy vay tiền để chốt lại toàn bộ số tiền mà bà H đã vay của ông là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng), đối với khoản vay này bà H hẹn sẽ thanh toán số tiền gốc cho ông cứ mỗi tháng là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và thanh toán tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Qua năm 2023, bà H vẫn chưa trả cho ông tiền như cam kết giữa hai bên, ông đã nhiều lần chủ động liên lạc để yêu cầu bà H phải thanh toán nhưng bà H chỉ khất mà không chịu trả tiền cho ông, số tiền của ông cho bà H vay không phải là số tiền nhỏ ngoài tiền của gia đình ông ra thì ông còn đi vay những người quen để cho bà H vay nên ông đã có chủ ý nói chuyện với bà H nếu có lô đất nào cân xứng với số tiền mà bà H đang nợ ông thì để ông lấy và cần trừ nợ cũng được, sau khi nghe ý kiến của ông thì bà H cũng đồng ý cần trừ nợ cho ông diện tích đất 626,6m² thuộc thửa đất số 126, tờ bản đồ số 23 đất tọa lạc tại thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 22/10/2023, bà H viết Hợp đồng sang nhượng cho ông. Tuy nhiên, bà H còn muốn lấy thêm tiền của ông mặc dù diện tích đất của bà H không bằng nửa số tiền bà H nợ ông, bà H yêu cầu ông phải thanh toán thêm cho bà H 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) nhưng ông chỉ đồng ý đưa thêm cho bà H số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) cùng ngày viết Hợp đồng sang nhượng. Đồng thời, hai bên còn thỏa thuận thêm trong Hợp đồng sang nhượng: trong vòng 03 tháng nếu bà H có điều kiện thì trả cho ông 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) để chuộc lại diện tích đất trên, còn nếu sau 03 tháng mà bà H không có tiền thì bà H phải có trách nhiệm giao diện tích đất trên như thỏa thuận cho ông. Sau 03 tháng bà H không có tiền để trả cho ông nên ông đã liên lạc để yêu cầu bà H phải giao đất cho ông thì bà H chụp cho ông một văn bản bằng tay thể hiện bà H đã bán diện tích đất trên cho một người khác từ trước khi viết Hợp đồng sang nhượng cho ông nên việc cần trừ nợ này không thành. Sau này, bà H vẫn không có thiện trí trả nợ cho ông, khi ông vào nhà bà H để yêu cầu trả nợ cho ông, gia đình bà H đều xin ông cho bà H thêm thời gian để bà H tìm người bán được đất thì bà H sẽ trả tiền cho ông. Vào ngày 19/11/2023, bà H liên hệ với ông để vay thêm số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) bà H trình bày khó khăn mượn thêm tiền để lấy hàng buôn bán tết nên ông vẫn đồng ý cho bà H vay thêm số tiền 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng), bà H nói rằng chỉ vay số tiền này trong vòng 10 ngày nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả cho ông đồng

nào. Mặc dù, đã rất nhiều lần ông chủ động liên hệ yêu cầu bà **H** trả nợ nhưng bà **H** trốn tránh, không chịu gặp mặt ông. Tính đến nay, tổng số tiền bà **H** nợ của ông là 1.124.000.000đ (*Một tỷ một trăm hai mươi tư triệu đồng*) và 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) tiền ông đưa thêm để nhận chuyển nhượng đất cần trừ nợ vào ngày 22/10/2023 thì tổng cộng ông đã cho bà **H** vay số tiền là 1.275.000.000đ (*Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **H** phải trả cho ông số tiền gốc là 1.124.000.000đ, ông không yêu cầu bà **H** phải trả tiền lãi. Đồng thời, ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà **H** phải trả cho ông số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà ông đã giao cho bà **H** là 150.000.000đ, sau này có phát sinh tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 22/10/2023 thì ông sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

Ngoài ra, ông **T** không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn, bà **Bùi Thị H** trình bày thì:

Bà có mối quan hệ với ông **Tổng Văn T**. Bà có thuê quán cà phê của ông **T** ở **D**, do có nhu cầu sử dụng tiền nên bà có vay của ông **T** số tiền là 1.100.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*), theo giấy vay tiền ngày 06/5/2022. Bà đã nhận đủ số tiền trên, bà thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của bà. Đến năm 2023, bà vẫn chưa trả được số tiền trên cho ông **T** nên bà và ông **T** có thỏa thuận: bà chuyển nhượng cho ông **Tổng Văn T** diện tích đất thuộc thửa 126, tờ bản đồ số 23 **xã L** có viết thành Hợp đồng sang nhượng ngày 22/10/2023 với giá thỏa thuận là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*). Bà chưa nhận được số tiền trên của ông **T** mà bà và ông **T** có một thỏa thuận khác là sẽ ký một giấy vay tiền ngày 22/01/2023 với bà **Phu Bàn D** là vợ của ông **T** với số tiền là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), nhưng thực tế bà chỉ nhận số tiền là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Sau đó, bà có vay thêm của ông **T** số tiền là 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*). Bà chưa trả được cho ông **T** số tiền gốc nào, đối với số tiền lãi thì bà đã trả cho ông **T** được khoảng mấy chục triệu bà không nhớ rõ số tiền và cũng không có chứng cứ thể hiện việc trả lãi.

Bà thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền, hợp đồng sang nhượng mua bán nhà đất là chữ ký, chữ viết của bà. Đối với hợp đồng sang nhượng mua bán nhà đất ngày 22/10/2023 thì để bà và ông **T** tự thỏa thuận, tự giải quyết với nhau bà không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông **T** yêu cầu bà phải trả số tiền là 1.275.000.000đ (*Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) thì bà đồng ý trả cho ông **T** số tiền trên.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng do vắng mặt bị đơn nên nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, ông **T** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà **H** phải trả cho ông **T** số tiền gốc là 1.124.000.000đ, ông **T** không yêu cầu bà **H** phải trả tiền lãi. Đồng thời, ông **T** giữ nguyên ý kiến xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà **H** phải trả cho ông số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 150.000.000đ, sau này có phát sinh tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 22/10/2023 thì ông sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

Bị đơn bà **H** vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn ông **Tổng Văn T** về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà **Bùi Thị H**, buộc bà **Bùi Thị H** phải trả cho ông **Tổng Văn T** số tiền nợ gốc là 1.124.000.000đ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Tổng Văn T** về việc yêu cầu bà **Bùi Thị H** phải trả số tiền là 150.000.000đ. Về án phí, bị đơn bà **Bùi Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn bà **Bùi Thị H** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Ông **Tổng Văn T** khởi kiện yêu cầu bà **Bùi Thị H** phải trả số tiền gốc là 1.124.000.000đ. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn ông **Tổng Văn T** với bị đơn bà **Bùi Thị H**; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xuất phát từ việc có quen biết nhau nên ông **T** cho bà **H** vay tiền nhiều lần. Đến ngày 06/5/2022, hai bên đối chiếu công nợ, tại giấy vay tiền đề ngày 06/5/2022, thể hiện nội dung: bà **H** có vay số tiền là 1.100.000.000đ của ông **T**, bà **H** thỏa thuận sẽ trả dần cho ông **T** mỗi tháng 50.000.000đ cho đến khi nào hết nợ.

Ngoài ra, ông **T** cho rằng: ông còn cho bà **H** vay số tiền là 24.000.000đ nhưng hai bên không viết giấy tờ gì với nhau.

Trong bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, bà **H** xác định có vay của ông **T** số tiền là 1.100.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*), theo giấy vay tiền ngày 06/5/2022. Bà đã nhận đủ số tiền trên, bà **H** thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của bà. Ngoài ra, bà **H** còn thừa nhận có vay của ông **T** số tiền là 24.000.000đ và đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông **T** nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích, nhận định ở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **T**, buộc bà **H** phải trả cho ông **T** số tiền gốc là 1.124.000.000đ là có căn cứ.

Đối với việc ông **T** xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà **H** phải trả số tiền 150.000.000đ, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **T** là phù hợp.

Sau này, giữa ông **T** và bà **H** phát sinh tranh chấp đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 22/10/2023 thì ông **T** có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí được tính như sau: $36.000.000đ + 3\% \times 324.000.000đ = 45.720.000đ$.

Ông **T** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông **Tổng Văn T** về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn bà **Bùi Thị H**.

Buộc bà **Bùi Thị H** phải trả cho ông **Tổng Văn T** số tiền gốc là 1.124.000.000đ (*Một tỷ một trăm hai mươi tư triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Tổng Văn T** về việc yêu cầu bà **Bùi Thị H** phải trả số tiền gốc là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Ông **Tổng Văn T** có quyền khởi kiện lại vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: buộc bà **Bùi Thị H** phải chịu 45.720.000đ (*Bốn mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Tổng Văn T** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/9/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh